

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày 14-4-2021

V/v “Tranh chấp yêu cầu
chia di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Năm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Nam;

2. Ông Phạm Hoài Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Võ Đại Minh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thanh Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang B1, sinh năm: 1968, địa chỉ: Thôn ĐH, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh L1, sinh năm: 1992, địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (theo Văn bản ủy quyền ngày 30/7/2020).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang B2, sinh năm: 1964 và bà Nguyễn Thị P1, sinh năm: 1965, cùng địa chỉ: Thôn TH, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị P1: Ông Nguyễn Quang B2, sinh năm: 1964, địa chỉ: Thôn TH, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi (*theo Văn bản ủy quyền ngày 16/7/2020*)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Đức N – Luật sư của Văn phòng luật sư C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số 44 đường X, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1962;
2. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm: 1970;
3. Ông Nguyễn Quang C (L), sinh năm: 1977;
4. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1973;

Cùng địa chỉ: Thôn TH, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Quang C (L): Chị Nguyễn Thị Thanh L1, sinh năm: 1992, địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (*theo Văn bản ủy quyền ngày 30/7/2020*).

5. Ông Nguyễn Quang P2, sinh năm: 1978; bà Phùng Thị M, sinh năm: 1979, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: là Thôn TH, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi; hiện đang cư trú tại: Thôn A, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Quang P2, bà Phùng Thị M: Ông Nguyễn Quang C (L), sinh năm: 1977; địa chỉ: Thôn TH, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi (*Theo văn bản ủy quyền ngày 30/7/2020*).

6. Anh Nguyễn Tấn N, sinh năm: 1987, địa chỉ: Số 56 đường W, phường L, quận T (nay là thành phố T), thành phố Hồ Chí Minh.

7. Chị Nguyễn Thị S, sinh năm: 1989, địa chỉ: Số 375/6 đường Y, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Chị Nguyễn Thị Mỹ Đ, sinh năm: 1991, địa chỉ: Số 22 đường K, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

9. Anh Nguyễn Quang T3, sinh năm: 1995, nơi làm việc: Công an huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị S, chị Nguyễn Thị Mỹ Đ và anh Nguyễn Quang T3: Ông Nguyễn Quang B2, sinh năm: 1964, địa chỉ: Thôn TH, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi (*theo các Văn bản ủy quyền ngày 15/12/2020; 24/12/2020 và 01/02/2021*)

10. Bà Lê Thị L3, sinh năm: 1930, địa chỉ: Thôn TH, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

11. Ông Lê Văn L4, sinh năm: 1978; bà Hàn Thị T4, sinh năm: 1980, cùng địa chỉ: Thôn H, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

12. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ: Thôn ĐV, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Tấn Th1 - Phó Chủ tịch UBND huyện L và ông Phạm Văn Th2 - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L (theo Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện L).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2019, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Quang B1 trình bày:*

Cha mẹ ông là cụ Nguyễn Quang K(chết năm 2005) và cụ Dương Thị L (chết năm 2014). Lúc còn sống, cha mẹ ông có với nhau 08 người con là Nguyễn Thị T1, Nguyễn Quang B1, Nguyễn Quang B2, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Quang C (L), Nguyễn Quang P2 và 01 người con khác đã chết từ khi con trẻ (chưa lập gia đình). Ngoài ra, cha mẹ ông không còn người con nào khác, kể cả con riêng hoặc con nuôi.

Khi còn sống, cha mẹ ông được thừa hưởng từ ông, bà các thửa đất số 545 và 554 cùng tờ bản đồ số 29 tại Thôn T, xã H (nay là Thôn TH) huyện L, tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là thửa 545 và thửa 554). Cha mẹ ông cùng các con ở trên thửa 545 còn thửa 554 thì dùng để canh tác hoa màu; trong suốt quá trình cha mẹ ông quản lý, sử dụng các thửa đất không bị ai tranh chấp. Cha ông là người đăng ký, kê khai đối với các thửa đất theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ. Sau năm 2000, các anh, chị em trong gia đình lập gia đình riêng và đi nơi khác cư trú, chỉ còn các ông Nguyễn Quang B2, Nguyễn Quang P2 và Nguyễn Quang C (L) ở lại cư trú với cha mẹ trên đất. Khi đó, ông Nguyễn Quang B2 cùng vợ là bà Nguyễn Thị P1 và ông Nguyễn Quang P2 ở chung căn nhà với cha mẹ; riêng ông Nguyễn Quang C (L) được cha mẹ cho xây dựng 01 căn nhà riêng nằm ở phía Đông thửa đất vào năm 1997 (nay vẫn còn nguyên trạng). Sau đó, ông Nguyễn Quang C (L) và ông Nguyễn Quang P2 không ở trên thửa 545 nữa mà đi nơi khác lập nghiệp. Sau khi cha mẹ chết không để lại di chúc,

ông Nguyễn Quang B2, bà Nguyễn Thị P1 tiếp tục quản lý sử dụng toàn bộ nhà, đất do cha mẹ để lại. Hiện nay, trên thửa đất số 545 có 03 căn nhà gồm: 01 căn nhà thờ do bà nội Hồ Thị S xây dựng; 01 căn nhà cấp 4 do cha mẹ xây dựng và 01 căn nhà do ông Nguyễn Quang C (L) xây dựng.

Các chị em trong gia đình đã nhiều lần yêu cầu ông B2, bà P1 cắt chia đất nhưng ông, bà không đồng ý. Năm 2014, ông B2, bà P1 làm thủ tục tách thửa 554 ra thành 02 thửa đất là thửa đất số 786 và thửa đất số 787 cùng tờ bản đồ số 29 (sau đây gọi tắt là thửa 786 và thửa 787) và ký hợp đồng tặng cho vợ chồng ông Nguyễn Quang P2, bà Phùng Thị M thửa 787, còn các chị em khác trong gia đình thì ông B2, bà P1 vẫn không giải quyết chia đất.

Sau đó, chị em trong gia đình đưa sự việc ra UBND xã H, huyện L để giải quyết tranh chấp nhưng không thành. Quá trình tranh chấp, chị em ông mới được biết trước đó, ông B2 đã tự kê khai, đăng ký và được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với các thửa 545 và 554.

Việc ông Nguyễn Quang B2 tự đăng ký, kê khai và định đoạt đối với các thửa đất của cha mẹ nhưng chưa được sự đồng ý của các đồng thừa kế khác là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông Nguyễn Quang B2, bà Nguyễn Thị P1 với bên được tặng cho là ông Nguyễn Quang P2 và bà Phùng Thị M đối với thửa đất số 787, tờ bản đồ số 29, diện tích 99,2m² ở Khu dân cư số 7, thôn T, xã H (nay là Khu dân cư Thôn TH) huyện L, tỉnh Quảng Ngãi do UBND xã H, huyện L chứng thực ngày 28/02/2014 là vô hiệu.

2. Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn Quang K, cụ Dương Thị L gồm các thửa đất: Thửa đất số 786 (diện tích đo đạc thực tế 663,2m²); thửa đất số 787 (diện tích đo đạc thực tế là 105,9m²); thửa đất số 545 (diện tích đo đạc thực tế là 1372,8m²) và 01 căn nhà cấp 4, diện tích 82,2m² do cụ K, cụ L xây dựng trên thửa đất số 545, cùng tờ bản đồ số 29 đều ở Khu dân cư số 7, thôn T, xã H (nay là Khu dân cư Thôn TH) huyện L, tỉnh Quảng Ngãi thành 07 kỷ phần bằng nhau cho các ông, bà gồm: Nguyễn Thị T1, Nguyễn Quang B1, Nguyễn Quang B2, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Quang C (L) và Nguyễn Quang P2, chia theo hiện vật cho các đồng thừa kế.

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 507872, số vào sổ cấp GCN: CH07255 do UBND huyện L cấp cho hộ ông Nguyễn Quang B2, bà Nguyễn

Thị P1 ngày 18/02/2014 đối với thửa đất 786, tờ bản đồ số 29, diện tích là 662,3 m² xã H, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 507873, số vào sổ cấp GCN: CH07256 do UBND huyện L cấp cho hộ ông Nguyễn Quang B2, bà Nguyễn Thị P1 ngày 18/02/2014 đối với thửa đất 787, tờ bản đồ số 29, diện tích là 99,2m² xã H, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 507994, số vào sổ cấp GCN: CH03767 do UBND huyện L cấp cho hộ ông Nguyễn Quang B2, bà Nguyễn Thị P1 ngày 19/10/2010 đối với thửa đất 545, tờ bản đồ số 29, diện tích là 1381,4 m² xã H, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 22/3/2021, ông có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Ông xin rút các yêu cầu khởi kiện khác, ông chỉ yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 786 theo sự thỏa thuận của các anh chị em ông được thể hiện tại Biên bản họp gia đình ngày 19/3/2021. Theo biên bản, ông và ông Nguyễn Quang C (L) được đồng quyền quản lý, sử dụng 360m² đất thuộc thửa 786 có giới cận: Phía Bắc giáp đường bê tông, phía Nam giáp đất Nhà nước quản lý, phía Tây giáp đất của bà Lê Thị L3 và đất của ông Lê Văn L4, bà Hàn Thị T4, phía Đông giáp diện tích đất còn lại của thửa đất số 786 chia cho ông Nguyễn Quang B2; ông Nguyễn Quang B2 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 303,2m² còn lại của thửa 786 có giới cận: Phía Bắc giáp đường bê tông và thửa 787 của ông Nguyễn Quang P2, bà Phùng Thị M; Phía Nam giáp đất Nhà nước quản lý; Phía Tây giáp thửa 786 chia cho ông Nguyễn Quang C (L) và Nguyễn Quang B1; Phía Đông giáp đường bê tông.

Tại phiên tòa, ông giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận của anh chị em ông như đã nêu trên và tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí, chi phí tố tụng giải quyết vụ án.

** Tại Đơn trình bày ngày 21/9/2020, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Quang B2, bà Nguyễn Thị P1 (do ông Nguyễn Quang B2 đại diện) trình bày:*

Về nguồn gốc thửa 554 là đất do ông bà nội ông sử dụng trồng dừa, ông nội mất sớm, bà nội mất năm 1974 không để lại di chúc cho ai. Qua nhiều năm bão gió, vườn dừa của ông bà nội còn khoảng 20 cây. Năm 1975, giải phóng hòa bình thống nhất đất nước, đất đai Nhà nước quản lý, chưa giao quyền sử dụng đất cho bất kỳ ai nên bỏ hoang hóa, cỏ dại mọc đầy, bà con trong xóm phóng uế trở thành

bãi rác, còn thừa thì cha mẹ ông cùng con cháu hưởng hoa lợi. Đến năm 1980, thực hiện Chỉ thị 299/TTg về bản đồ giải thửa, thửa đất này được đo bao chung với nhiều thửa đất khác, thuộc số thửa 1601, tờ bản đồ số 2, diện tích 3.100m². Thửa đất này bỏ hoang hóa mãi đến năm 1985, vợ chồng ông mới cưới không có đất sản xuất nên đã viết đơn gửi Ban Quản trị Hợp tác xã nông nghiệp xã Bình Yên (khóa 1985-1988) để xin được tiến hành lấn biển, tôn tạo, bồi đắp cho thửa đất; một số cán bộ của Hợp tác xã Bình Yên đã đến hiện trường xác nhận và cho phép vợ chồng ông được sản xuất nông nghiệp.

Đến năm 2010, theo quy định của Nhà nước, ông đã làm đơn đề nghị UBND xã H lập thủ tục cấp GCNQSDĐ. UBND xã H đã xác minh thực tế, công nhận nguồn gốc sử dụng đất vợ chồng ông sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993, không có ai tranh chấp, phù hợp quy hoạch của địa phương và trình lên UBND huyện L cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông. Sau khi được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ đối với các thửa đất số 554 và 545 thì năm 2014, vợ chồng ông xin được tách thửa 554 thành 02 thửa đất số 786, 787 và tặng cho vợ chồng em ruột là Nguyễn Quang P2, Phùng Thị M thửa 787 là phù hợp với đạo đức xã hội và pháp luật của Nhà nước.

Về nguồn gốc thửa đất số 545 là đất do ông bà lưu hạ, bà nội ông là Hồ Thị S có xây dựng nhà trên đất vào năm 1954. Sau khi ông, bà nội mất, cha mẹ ông là Nguyễn Quang K, Dương Thị L được thừa kế để chăm lo, phụng sự nhang khói cho tổ tiên. Đến năm 1980, theo Chỉ thị 299/TTg đo đạc lại đất trên toàn xã, cha ông đã đứng tên kê khai trong sổ mục kê, hồ sơ địa chính. Năm 1994, cha ông bị bệnh tai biến, không đủ sức khỏe lo việc gia đình nên đã giao cho ông là con trai trưởng lo liệu.

Ngày 19/3/2021, toàn thể chị em trong gia đình đã họp mặt và đi đến hòa giải, thống nhất chỉ phân chia thửa đất số 786, nội dung phân chia cụ thể được thể hiện tại Biên bản họp gia đình cùng ngày. Tại phiên tòa, ông thống nhất việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo kết quả họp gia đình; công nhận sự thỏa thuận của chị em ông.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà: Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Quang C (L) thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn.*

** Tại các văn bản trình bày ý kiến ngày 29/8/2020 và 07/11/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quang P2, bà Phùng Thị M trình bày:*

Cha đẻ ông Nguyễn Quang P2 là Nguyễn Quang K, sinh ngày 15/5/1937, chết năm 2005, mẹ đẻ là Dương Thị L, sinh 19/4/1942, chết năm 2014; khi chết, cha mẹ đều không để lại di chúc. Trong thời gian chung sống cha, mẹ có hai thửa đất vườn (nay là các thửa đất số 554 và 545) được tổ tiên lưu hạ tại Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi với tổng diện tích khoảng 2000m². Cha mẹ ở đây từ lúc ông được sinh ra, không ai tranh chấp; cha cũng là người đăng ký, kê khai các thửa đất theo Chi thị 299/TTg ngày 10/11/1980 với Nhà nước.

Lúc cha mẹ còn sống, vợ chồng ông Nguyễn Quang B2; vợ chồng ông, bà và vợ chồng ông Nguyễn Quang C (L) do hoàn cảnh khó khăn nên được cha mẹ cho ở cùng trên thửa đất 545. Đến trước năm 2010, mới tách ra ở riêng; trước đó, ông Nguyễn Quang C (L) có xây một căn nhà bằng gạch trên đất ngay ngõ ra vào; đến nay nhà vẫn còn.

Sau khi cha chết, ông Nguyễn Quang B2 đi đăng ký, kê khai và được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ đối với hai thửa đất trên mà không có sự thống nhất của mẹ và các chị, em trong gia đình. Nhiều lần anh chị em trong nhà yêu cầu ông B2 chia đất cho các anh em để có chỗ ở nhưng ông B2 không đồng ý. Khoảng năm 2014, do vợ chồng ông, bà trực tiếp ý kiến nên ông B2 mới cắt cho một phần đất để làm chỗ ở (nay là thửa 787). Do kinh tế khó khăn nên sau khi ông B2 cho đất, ông, bà đi Gia Lai lập nghiệp và để ông B2, bà P1 được sử dụng thửa đất số 787 công tác hoa màu.

Nay ông Nguyễn Quang B1 có đơn yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với nhà, đất cha mẹ để lại và tuyên bố hợp đồng tặng cho đất giữa vợ chồng ông B2 với ông, bà vô hiệu thì ông, bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Đơn trình bày đề ngày 19/3/2021, ông, bà thống nhất việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chia thừa kế đối với thửa đất số 786 theo biên bản họp gia đình ngày 19/3/2021; mọi ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa cũng là ý kiến của ông, bà.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Tấn N, chị Nguyễn Thị Mỹ Đ, anh Nguyễn Quang T3, chị Nguyễn Thị S thống nhất với ý kiến trình bày của bị đơn.*

** Tại các Đơn trình bày ý kiến đề ngày 24/11/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn L4, bà Hàn Thị T4 và bà Lê Thị L3 trình bày:*

Các ông, bà yêu cầu Tòa án công nhận diện tích các thửa đất mà anh em ông B1, ông B2 đang tranh chấp theo thực tế sử dụng hiện nay (theo đường ranh có sẵn). Nếu có chồng lấn qua lại giữa đất của các ông, bà và đất mà anh em ông B1, ông B2 đang tranh chấp thì cũng công nhận tính pháp lý ranh giới giữa các thửa đất theo hiện trạng đang sử dụng. Từ trước đến nay, các ông, bà cũng không tranh chấp, lấn chiếm đất gì với gia đình ông B1, ông B2 và cha mẹ ông B1, B2 là ông Nguyễn Quang K, bà Dương Thị L.

** Tại Công văn số 24/UBND ngày 07/01/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện L trình bày:*

- Đối với thửa đất số 545: Năm 2003, ông Nguyễn Quang B2 kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ có số phát hành Y 865803, số vào sổ H 02985, ngày 18/6/2003 tại thửa đất số 1573, tờ bản đồ số 2, xã H, diện tích 150m² đất ở nông thôn. Đến năm 2009, ông Nguyễn Quang B2 tiếp tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ có số phát hành AO 359144, số vào sổ H 03513 ngày 08/5/2009 tại thửa đất số 1573, tờ bản đồ số 2, xã H, diện tích 1.226m², đất trồng cây ăn quả lâu năm. Đến năm 2010, thực hiện dự án VLAP đo đạc cấp mới, cấp đổi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đề ngày 10/9/2020 tại thửa đất số 545, tờ bản đồ số 29, xã H, diện tích 1.381,4m² và được UBND huyện L cấp đổi GCNQSDĐ có số phát hành BO 507994, số vào sổ CH 03767 ngày 19/10/2010.

- Đối với thửa đất số 554: Năm 2010, thực hiện dự án VLAP đo đạc cấp mới, cấp đổi GCNQSDĐ, ông Nguyễn Quang B2 có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đề ngày 10/9/2010 tại thửa đất số 554, tờ bản đồ số 29, xã H, diện tích 761,5m² và được UBND huyện cấp GCNQSDĐ lần đầu có số phát hành BG 157498, số vào sổ CH 03768 ngày 19/10/2010.

Năm 2013, ông Nguyễn Quang B2 có đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây ăn quả lâu năm sang đất ở tại nông thôn với diện tích 72m² và được UBND huyện cho phép chuyển mục đích sử dụng tại Quyết định số 2738/QĐ-UBND ngày 24/12/2013.

Đến năm 2014, ông Nguyễn Quang B2 có đơn xin tách thửa đất số 554 thành 02 thửa đất và được UBND huyện L thống nhập cho tách thửa đất 554 thành 02 thửa và cấp GCNQSDĐ có số phát hành BO 507872, số vào sổ CH 07255, cấp ngày 18/02/2014 tại thửa đất số 786, tờ bản đồ số 29, diện tích 662,3m² và GCNQSDĐ có số phát hành BO 507873, số vào sổ CH 07256, cấp ngày 18/02/2014 có diện tích 99,2m². Sau đó, ông Nguyễn Quang B2, bà Nguyễn Thị P1 đã tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 787 cho ông Nguyễn Quang P2, bà Phùng Thị M.

Qua kiểm tra hồ sơ cấp các GCNQSDĐ nêu trên cho hộ ông Nguyễn Quang B2, UBND huyện L không thống nhất hủy các GCNQSDĐ. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – Luật sư Trần Đức N trình bày:*

Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; việc thỏa thuận của các đương sự là không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, khoản 1 Điều 147, Điều 165, Điều 224, Điều 246 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tuyên xử:

+ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia thừa kế các thửa đất số 545, 787 cùng tờ bản đồ số 29 ở Thôn TH, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi và căn nhà cấp 4 có trên thửa đất số 545 và yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 787, tờ bản đồ số 29 ở Khu dân cư số 7, thôn T, xã H (nay là Thôn TH), huyện L, tỉnh Quảng Ngãi giữa bên tặng cho là ông Nguyễn Quang B2, bà Nguyễn Thị P1 với bên được tặng cho là ông Nguyễn Quang P2, bà Phùng Thị M do Ủy ban nhân dân xã H, huyện L chứng thực ngày 28/02/2014 là vô hiệu của nguyên đơn.

+ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chia thừa kế thửa đất số 786, tờ bản đồ số 29 ở Thôn TH, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi theo Biên bản họp gia đình ngày 19/3/2021.

Án phí và các chi phí tố tụng khác được giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng do nguyên đơn tự nguyện chịu nên nguyên đơn thực hiện nghĩa vụ nộp án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người đại diện hợp pháp của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Quang K chết ngày 08/9/2005; cụ Dương Thị L chết ngày 07/12/2014. Ngày 28/10/2019, ông Nguyễn Quang B1 gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu chia di sản thừa kế đối với các bất động sản là di sản của cụ Nguyễn Quang K, cụ Dương Thị L. Theo quy định khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế đối với bất động sản là 30 năm kể từ thời điểm mở thừa kế, như vậy, việc khởi kiện của ông Nguyễn Quang B1 trong thời hiệu được pháp luật quy định.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án đã thụ lý và xác định quan hệ tranh chấp là: *“Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*. Theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự, khi giải quyết vụ án dân sự, Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật có liên quan đến vụ án mà không cần đương sự phải có yêu cầu, Tòa án không thu tạm ứng án phí, không buộc đương sự phải chịu án phí và việc hủy quyết định cá biệt không phải là tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án là: *“Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế”*.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 22/3/2021, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa 787, thửa 545, 01 căn nhà của cha mẹ có trên thửa 545 và không yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 28/02/2014 giữa bên tặng cho là ông Nguyễn Quang B2, bà Nguyễn Thị P1 với bên được tặng cho là ông Nguyễn Quang P2, bà Phùng Thị M là vô hiệu. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên việc rút các yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện đã rút của nguyên đơn.

[2.2] Các đương sự thống nhất xác định thửa đất số 786, tờ bản đồ số 29, diện tích đo đạc thực tế 663,2m² là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Quang K, cụ Dương Thị L. Cụ K, cụ L chết không để lại di chúc; các đồng thừa kế của cụ K, cụ L gồm có các ông, bà: Nguyễn Thị T1, Nguyễn Quang B1, Nguyễn Quang B2, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Quang C (L) và Nguyễn Quang P2. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo Biên bản định giá ngày 16/7/2020 xác định giá trị quyền sử dụng thửa đất số 786 là 400.000 đồng/m² (toàn bộ diện tích là đất trồng cây ăn quả lâu năm). Như vậy, giá trị di sản của cụ Nguyễn Quang K, cụ Dương Thị L là 265.280.000 đồng.

Tại Biên bản họp gia đình ngày 19/3/2020 và tại phiên tòa, các đồng thừa kế của cụ K, cụ L thống nhất thỏa thuận phân chia thửa 786 như sau:

- Chia cho ông Nguyễn Quang C (L) và ông Nguyễn Quang B1 được đồng quyền quản lý, sử dụng 360m² đất thuộc thửa đất số 786 có giới cận: Phía Bắc giáp đường bê tông; Phía Nam giáp đất Nhà nước quản lý; Phía Tây giáp đất của bà Lê Thị L3 và đất của ông Lê Văn L4, bà Hàn Thị T4; Phía Đông giáp diện tích đất còn lại của thửa đất số 786 chia cho ông Nguyễn Quang B2.

- Chia toàn bộ diện tích đất còn lại (303,2m²) của thửa đất số 786 cho ông Nguyễn Quang B2, phần diện tích này có giới cận: Phía Bắc giáp đường bê tông và thửa 787 của ông Nguyễn Quang P2, bà Phùng Thị M; Phía Nam giáp đất Nhà nước quản lý; Phía Tây giáp thửa 786 chia cho ông Nguyễn Quang C (L) và Nguyễn Quang B1; Phía Đông giáp đường bê tông.

Xét việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội; ngoài nội dung trên, các đương sự không tranh chấp nội dung nào khác. Do đó, cần công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự.

[2.3] Thửa đất số 786 là đất của ông Nguyễn Quang K, bà Dương Thị L. Ngày 19/10/2010, UBND huyện L thực hiện cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Quang B2, bà Nguyễn Thị P đối với thửa đất nêu trên khi chưa có văn bản đồng ý của cụ L và các đồng thừa kế của cụ K là không đúng quy định tại các Điều 49, 50 Luật Đất đai năm 2003 nên cần hủy GCNQSDĐ của thửa 786.

[2.4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí:

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 11.000.000 đồng; chi phí định giá tài sản là 900.000 đồng, tổng cộng 11.900.000 đồng, đều do ông Nguyễn Quang B1 nộp tạm ứng.

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 13.264.000 đồng (5% x 265.280.000 đồng).

Theo quy định, ông Nguyễn Quang B1, ông Nguyễn Quang C (L) và ông Nguyễn Quang B2 cùng phải chịu tiền án phí và chi phí tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông Nguyễn Quang B1 tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí và chi phí tố tụng nêu trên nên cần ghi nhận sự tự nguyện của ông B1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 612, 613, 614, 618, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 49, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí.

Tuyên xử,

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật các thửa đất số 545, 787, cùng tờ bản đồ số 29 và 01 căn nhà cấp 4 có trên thửa đất số 545 của cụ Nguyễn Quang K, cụ Dương Thị L ở Khu dân cư số 7, thôn T, xã H (nay là Thôn TH), huyện L, tỉnh Quảng Ngãi và yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 787, tờ bản đồ số 29 ở Khu dân cư số 7, thôn T, xã H (nay là Thôn TH), huyện L, tỉnh Quảng Ngãi giữa bên tặng cho là ông Nguyễn Quang B2, bà Nguyễn Thị P1 với bên được tặng cho là ông Nguyễn Quang P2, bà Phùng Thị M do Ủy ban nhân dân xã H, huyện L chứng thực ngày 28/02/2014 là vô hiệu.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Quang K, cụ Dương Thị L là quyền sử dụng thửa đất số 786, tờ bản đồ số 29, diện tích đo đạc thực tế 663,2 m², loại đất: LNQ (đất trồng cây ăn quả lâu năm) tại Khu dân cư số 7, thôn T, xã H (nay là Thôn TH), huyện L, tỉnh Quảng Ngãi như sau:

- Chia cho ông Nguyễn Quang C (L) và ông Nguyễn Quang B1 được đồng quyền quản lý, sử dụng chung 360m² đất thuộc thửa đất số 786, tờ bản đồ số 29 tại Khu dân cư số 7, thôn T, xã H (nay là Thôn TH), huyện L, tỉnh Quảng Ngãi có giới cận: Phía Bắc giáp đường bê tông; Phía Nam giáp đất Nhà nước quản lý; Phía Tây giáp đất của bà Lê Thị L3 và đất của ông Lê Văn L4, bà Hàn Thị T4; Phía Đông giáp diện tích đất còn lại của thửa đất số 786 chia cho ông Nguyễn Quang B2.

- Chia cho ông Nguyễn Quang B2 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 303,2m² thuộc thửa đất số 786, tờ bản đồ số 29 tại Khu dân cư số 7, thôn T, xã H (nay là Thôn TH), huyện L, tỉnh Quảng Ngãi có giới cận: Phía Bắc giáp đường bê tông và thửa 787 của ông Nguyễn Quang P2, bà Phùng Thị M; Phía Nam giáp đất Nhà nước quản lý; Phía Tây giáp thửa 786 chia cho ông Nguyễn Quang C (L) và Nguyễn Quang B1; Phía Đông giáp đường bê tông.

(Có sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo bản án này, sơ đồ là một bộ phận không tách rời bản án)

Người được chia đất có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 507872, sổ vào sổ cấp GCN: CH07255 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Nguyễn Quang B2, bà Nguyễn Thị P ngày 18/02/2014 đối với thửa đất 786, tờ bản đồ số 29, diện tích là 662,3 m² xã H, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Ông Nguyễn Quang B1 phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng trong vụ án (bao gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản) là 11.900.000đ (Mười một triệu chín trăm nghìn đồng); ông B1 đã nộp đủ.

5. Ông Nguyễn Quang B1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án là 13.264.000đ (Mười ba triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Tiền án phí ông Nguyễn Quang B1 phải chịu được khấu trừ vào 14.571.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0004797 ngày 19/12/2019 và AA/2018/0006009 ngày

23/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Quang B1 1.307.000đ (*Một triệu ba trăm lẻ bảy nghìn đồng*) đồng tiền tạm ứng án phí.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký, đóng dấu)**

Nguyễn Văn Năm